

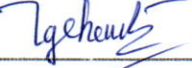
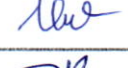
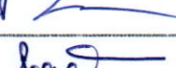
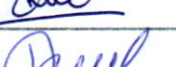
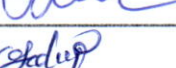
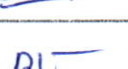
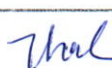
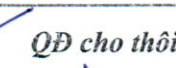
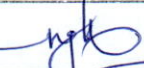
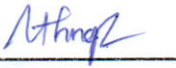
*

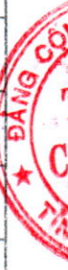
**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN CU M'GAR, KHÓA HỌC 2024-2026
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

THI PHẦN A.VII: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH;

Ngày thi: 23/11/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm: Trung tâm Chính trị huyện Cu M'gar.

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Hoàng Thị Vân Anh	03/3/1991	02		29	7,25	Đạt 7 học năm
02	Phạm Thị Ngọc Ánh	05/4/1977	02		40	7,75	Đạt 7 học năm
03	Nguyễn Thị Phương Ánh	06/01/1985	03		48	8,0	Tạm
04	H'Bon Byă	05/5/1990	02		63	7,5	Đạt 7 học năm
05	Nguyễn Thị Giang Châu	17/6/1989	02		32	7,5	Đạt 7 học năm
06	Cao Xuân Cúc	18/08/1981	02		2	7,25	Đạt 7 học năm
07	Trần Thị Kim Cúc	20/10/1991	02		28	7,5	Đạt 7 học năm
08	Nguyễn Văn Dư	28/6/1986	02		35	7,25	Đạt 7 học năm
09	Huỳnh Văn Dữ	28/11/1987	02		3	7,5	Đạt 7 học năm
10	Nguyễn Trung Dũng	28/02/1988	03		75	7,25	Đạt 7 học năm
11	Phạm Đình Dũng	23/4/1984	02		6	7,75	Đạt 7 học năm
12	Hồ Thị Dương	05/5/1975	02		36	7,25	Đạt 7 học năm
13	Huỳnh Thị Lệ Duyên	28/12/1980	02		26	7,75	Đạt 7 học năm
14	H Bluer Êban	23/3/1989	03		15	8,0	Tạm
15	H Len Êban	10/8/1988	02		70	7,5	Đạt 7 học năm
16	Lê Thu Hà	21/5/1985	03		62	8,0	Tạm
17	Trần Thị Hà	10/11/1981	QĐ cho thôi học (QĐ số 348 - ngày 13/6/2024)				
18	Nguyễn Ngọc Hải	30/09/1981	02		79	7,25	Đạt 7 học năm
19	Trương Thị Bích Hạnh	04/04/1980	02		77	7,25	Đạt 7 học năm
20	Hoàng Thị Hồng	23/10/1989	03		61	7,75	Đạt 7 học năm



Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Phạm Thị Huệ	30/4/1985	03		57	885	bay, bay năm
22	Phan Thị Mai Hương	15/9/1981	03		59	885	bay, bay năm
23	Nguyễn Xuân Huyền	26/6/1975	03		59	85	Tam, năm
24	H Liễu Hwing	14/4/1984	02		24	885	bay, bay năm
25	H Phương Niê Kđăm	17/9/1989	03		17	825	Tam, hai năm
26	Bùi Đăng Khoa	20/8/1984	02		71	825	bay, hai năm
27	Trần Đình Đăng Khoa	15/9/1986	02		67	80	bay
28	Y Sueng Buôn Krông	10/4/1986	02		39	85	bay, năm
29	Đỗ Phú Linh	05/9/1981	02		76	85	Tam, năm
30	Đinh Thị Loan	01/12/1990	02		66	885	bay, bay năm
31	Đặng Kiều Loan	01/02/1989	02		43	885	bay, bay năm
32	Nguyễn Tấn Lợi	09/8/1985	02		64	80	bay
33	Võ Thị Thùy Lựu	31/12/1986	02		68	85	bay, năm
34	Phan Thị Lý	20/3/1984	02		74	85	bay, năm
35	Nguyễn Thị Mai	10/12/1985	03		14	80	Tam
36	Nguyễn Thị Thanh Mai	19/12/1988	02		69	85	Tam, năm
37	Trần Thị Thanh Mận	21/02/1983	03		45	80	Tam
38	H Bích Mlô	05/8/1985	02		41	885	bay, bay năm
39	Nguyễn Hải Nam	01/10/1985	02		73	80	bay
40	Phạm Thị Nga	10/6/1982	02		44	885	bay, bay năm
41	Lê Ngọc Nghĩa	14/8/1980	03		50	80	Tam
42	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/02/1989	03		60	80	Tam
43	Vũ Thị Nhung	05/8/1988	03		13	80	Tam
44	H'Lim Niê	06/8/1990	02		78	85	Tam, năm
45	Y Blô Niê	21/01/1988	02		65	825	bay, hai năm
46	Y Tênh Niê	20/06/1986	02		57	825	bay, hai năm
47	H' Nary Niê	10/5/1980	03		10	825	Tam, hai năm

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
48	Phan Thị Bích Phuong	29/01/1981	03		52	80	Tam
49	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	05/7/1987	03		16	825	Tam hai năm
50	Lê Thế Son	06/5/1985	02		4	75	Bảy năm
51	Lê Thị Thu Sương	20/4/1988	03		55	775	Bảy bảy năm
52	Nguyễn Thị Thu Sương	20/9/1981	02		30	725	Bảy hai năm
53	Trần Văn Tân	08/9/1983	03		53	80	Tam
54	Nguyễn Ngọc Thạch	26/7/1977	02		20	75	Bảy năm
55	Nguyễn Thị Thanh	15/01/1984	02		23	75	Bảy năm
56	Lê Hữu Thành	06/3/1985	02		42	775	Bảy bảy năm
57	Đinh Thị Thảo	14/4/1990	03		58	80	Tam
58	Nguyễn Thị Thảo	27/8/1987	03		56	80	Tam
59	Lê Tô Anh Thi	13/9/1981	03		33	75	Bảy năm
60	Ngô Thị Thơm	28/12/1980	03		46	825	Tam hai năm
61	Phạm Xuân Thông	01/01/1984	02		31	785	Bảy hai năm
62	Phan Thị Thu	03/4/1988	02		22	725	Bảy hai năm
63	Đậu Minh Thuận	11/6/1989	03		18	80	Tam
64	Đỗ Thị Như Thuận	27/4/1989	02		72	725	Bảy hai năm
65	Trần Văn Thương	24/5/1977	02		27	85	Bảy năm
66	Bùi Văn Thương	24/9/1989	02		38	75	Bảy năm
67	Lê Thị Thúy	18/12/1990	02		19	75	Bảy năm
68	Phạm Thu Thủy	19/10/1988	02		25	775	Bảy bảy năm
69	Nguyễn Thị Tơ	14/10/1985	03		49	80	Tam
70	Cao Thị Minh Trâm	23/05/1987	03		11	80	Tam
71	Đỗ Thị Thanh Trang	02/11/1988	03		47	825	Tam hai năm
72	Hoàng Thị Đài Trang	05/7/1988	02		34	75	Bảy năm
73	Võ Thị Trang	05/8/1986	02		1	75	Bảy năm
74	Võ Thị Thu Trang	18/4/1987	02		7	775	Bảy bảy năm

AN

ÔNG

H TI

BKK

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
75	Nguyễn Trọng Tuấn	24/8/1981	02	<i>vet</i>	5	75	<i>hạng 1 năm</i>
76	Hồ Ngọc Việt	02/02/1973	03	<i>Việt</i>	8	80	<i>Tam</i>
77	Phạm Văn Vinh	20/10/1984	03	<i>vn</i>	59	80	<i>Tam</i>
78	Phan Thị Xuân	01/11/1986	03	<i>phn</i>	12	775	<i>hạng 1 năm</i>
79	Hoàng Thị Yếm	08/12/1984	02	<i>thym</i>	21	775	<i>hạng 1 năm</i>
80	Ninh Thị Hồng Yến	21/10/1988	03	<i>gry</i>	9	80	<i>Tam</i>

Tổng số học viên theo danh sách:.....80.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....01.....học viên (lý do.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....79.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....học viên; trong đó: có lý do:..... học viên; không có lý do:.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....79.....bài/.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Nguyễn Thị Yến

Ngày...13...tháng...12...năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Phạm Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Đỗ An Bình



Nguyễn Thành Dũng

CÁN BỘ COI THI 02

Nguyễn Thị Thắm

Ngày...10...tháng...12...năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà